TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 12 - 2023
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Huy, bà Nguyễn Thị Kim Lý.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 340/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Khu 1, xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Mai Thị Thu H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Mai Thị Thu H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ (nay là xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện. Giấy đăng ký kết hôn số 01 do Ủy ban nhân dân xã L cấp ngày 10 tháng 01 năm 2019. Từ khi kết hôn anh và chị H không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Chị H thường có những lời lẽ mỉa mai, chửi bới coi thường anh và gia đình anh. Anh và chị H đã nhiều lần nói chuyện với nhau để tìm tiếng nói chung nhưng không được. Tháng 6 năm 2022

chị H vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù. Từ đó anh và chị H ly thân không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho anh được ly hôn với chị Mai Thị Thu H.

Về nuôi con: Anh và chị H có một con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2019. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu A và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh thay đổi ý kiến, đề nghị Tòa án giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Mai Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với anh Nguyễn Văn S về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như anh S trình bày là đúng. Chị xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ. Chị có vi phạm pháp luật như anh S trình bày nhưng chị đã chấp hành xong hình phạt tù từ tháng 7 năm 2023, khi chị trở về, chị phát hiện anh S quan hệ ngoại tình. Tuy nhiên, vì con chị mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Về nuôi con: Chị thống nhất với anh S anh chị có 01 con chung như anh S trình bày, ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đức A, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con". Bị đơn là chị Mai Thị Thu H có nơi cư trú tại Tổ dân phố P, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt, đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn S và chị Mai Thị Thu H có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh S và chị H đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, có căn cứ

xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn S.

[3] Về nuôi con:

Anh S và chị H có một con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2019. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất để chị H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Anh S, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Anh Nguyễn Văn S, chị Mai Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S được ly hôn chị Mai Thị Thu H.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Mai Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0001674 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn S, chị Mai Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Yên Bái;
- VKSND TP Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ.
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Huy **Nguyễn Thị Kim Lý.** **Nguyễn Thị Kim Tuyến**